

Số: 242/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục đào tạo
tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017 - 2025, định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009; Luật Giáo dục đại học năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/0/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định 92/CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 09/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ văn bản số 132/TB-VPCP ngày 13/03/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/6/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2014 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 23/4/2015 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 12 -NQ/TU ngày 26/6/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2014 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kết luận số 92-KL/TU ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quy hoạch phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017 - 2025, định hướng đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Mục tiêu

1. Tạo chuyển biến cơ bản về nhận thức và hành động đối với phát triển giáo dục và đào tạo từ mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp đến cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; tiếp cận với trình độ giáo dục của khu vực và thế giới, bảo đảm công bằng trong giáo dục, tạo cơ hội học tập cho mọi người, xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời.

2. Mở rộng mạng lưới trường, lớp đảm bảo khoa học, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đáp ứng khả năng tiếp nhận học sinh vào các cấp học và nhu cầu học tập của người học; thực hiện tốt việc phân luồng học sinh.

3. Đẩy mạnh nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn, chăm lo phát triển giáo dục, củng cố vững chắc kết quả giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2, triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3, 4 tuổi.

4. Phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phấn đấu xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2022, đô thị thông minh theo hướng “An ninh, an sinh, an toàn”.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án, các chương trình, kế hoạch đã được duyệt; đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và hoạt động dạy, học.

6. Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, các thành phần kinh tế, các tổ chức kinh tế - xã hội đầu tư cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.

II. Nhiệm vụ

1. Củng cố và phát triển mạng lưới trường học hiện có và quy hoạch xây dựng mới một số trường ở cấp học mầm non, tiểu học, THCS tại các xã, phường, thị trấn có đông dân cư và các cụm, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và phổ cập giáo dục tiểu học, THCS mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2, đồng thời với việc triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3, 4 tuổi.

2. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực cá nhân của người học, áp dụng các phương pháp kỹ thuật dạy học tích cực, chú trọng

rèn luyện phương pháp tự học; tăng cường các hoạt động xã hội, các hoạt động trải nghiệm của học sinh, sinh viên, nghiên cứu khoa học, vận dụng kiến thức vào thực tế; sử dụng có hiệu quả trang thiết bị dạy học vào việc đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy.

3. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 31/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “*Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2016 - 2020*”; đồng thời với việc nâng cao trình độ và nghiệp vụ chuyên môn, cần coi trọng đạo đức nghề nghiệp; thực hiện nghiêm nền nếp, kỷ cương trường, lớp, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, mũi nhọn đảm bảo thực chất, có nhiều học sinh đạt giải quốc gia và quốc tế. Chú trọng bồi dưỡng nhân tài, đảm bảo đủ nhân lực có trình độ khoa học, kỹ thuật cao phục vụ sự nghiệp chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, tin học, trong các cơ sở trường học, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

6. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hoàn chỉnh từ Sở Giáo dục và Đào tạo đến các cơ sở trường học để thu thập, trao đổi thông tin trên Website của ngành, của các trường, hình thành mạng giáo dục đào tạo khoa học.

7. Bố trí sắp xếp đủ đội ngũ cán bộ, giáo viên theo hướng đồng bộ, đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Rà soát, đánh giá phân loại năng lực của đội ngũ nhà giáo; thường xuyên tổ chức mở lớp bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường học về tư tưởng chính trị, tác phong sư phạm và đạo đức nghề nghiệp, nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng quản lý, phương pháp dạy học, khả năng ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

8. Rà soát, bổ sung quy hoạch, đảm bảo diện tích đất các trường học theo tiêu chí chuẩn quốc gia; đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả chương trình kiên cố hoá trường, lớp học; đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, hiện đại hóa.

9. Thu hút các trường đại học (công lập) có quy mô lớn, danh tiếng (ở thành phố Hà Nội) về đầu tư xây dựng tại Bắc Ninh (trong diện tích quy hoạch của tỉnh), để đào tạo cán bộ và người lao động có điều kiện học tập nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

10. Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra đánh giá chất lượng giáo dục, thi cử, tuyển sinh trong các cơ sở giáo dục; xây dựng quy chế, quy định trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành trong việc chỉ đạo phối hợp quản lý các cơ sở giáo dục, nhằm khắc phục những yếu kém bất cập trong quản lý, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, tránh các biểu hiện tiêu cực, gây bức xúc trong xã hội.

11. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án, các chương trình, kế hoạch được duyệt và đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực giáo

dục và đào tạo; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy học.

12. Thực hiện tốt công tác xã hội hoá giáo dục và chủ trương đa dạng hoá các loại hình học tập đáp ứng yêu cầu học tập của nhân dân, huy động các lực lượng xã hội, các cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS, THPT ngoài công lập và thành lập các trung tâm tin học, ngoại ngữ có yếu tố nước ngoài đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh.

III. Nhiệm vụ cụ thể từng giai đoạn

1. Giai đoạn 2017 - 2020

1.1. Quy hoạch mạng lưới trường, lớp

- Việc quy hoạch mạng lưới trường, lớp tại các cơ sở giáo dục đào tạo từ năm 2017 - 2020 phải được thực hiện đảm bảo khoa học, tạo thuận lợi cho học sinh tham gia học tập, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa vì mục tiêu xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành đô thị hiện đại, thông minh, theo chuẩn khu vực và thế giới, cụ thể như sau:

- Quy hoạch đủ diện tích đất, đầu tư xây dựng CSVC để thành lập mới 05 trường mầm non (công lập) ở các khu công nghiệp thuộc khu vực xã: Nam Sơn (thành phố Bắc Ninh); Phương Liễu, Đào Viên (huyện Quế Võ); Hoàn Sơn (huyện Tiên Du); VSIP (thị xã Từ Sơn); Yên Trung (huyện Yên Phong). Tách 13 trường mầm non (công lập) ở những địa phương đông dân cư, cụ thể như sau: xã Hòa Long, xã Nam Sơn, phường Vũ Ninh (thành phố Bắc Ninh); thị trấn Gia Bình (huyện Gia Bình); xã Phú Hòa, thị trấn Thứa (huyện Lương Tài); xã Ninh Xá, xã Mão Điền, thị trấn Hồ (huyện Thuận Thành); xã Việt Đoàn (huyện Tiên Du); phường Tân Hồng, xã Phù Khê (thị xã Từ Sơn); xã Đông Thọ, xã Long Châu (huyện Yên Phong) và thành lập mới 07 trường mầm non (ngoài công lập) ở những địa phương đông dân cư, các khu công nghiệp tập trung, có nhu cầu phát triển.

- Quy hoạch đủ diện tích đất, đầu tư xây dựng CSVC để thành lập mới 05 trường tiểu học tại các khu công nghiệp tập trung theo hướng ghép các cấp học, cụ thể như sau: xã Nam Sơn (thành phố Bắc Ninh); xã Phương Liễu (huyện Quế Võ); xã Hoàn Sơn (huyện Tiên Du); VSIP (thị xã Từ Sơn). Triển khai xây dựng theo hình thức hợp đồng BT với Trường Tiểu học Văn Môn (huyện Yên Phong). Xây dựng CSVC để tách 05 trường tiểu học (công lập): Tiểu học Tân Hồng (thị xã Từ Sơn); thị trấn Phố Mới (huyện Quế Võ); Tiểu học Đại Phúc; Tiểu học Võ Cường (thành phố Bắc Ninh); Tiểu học Yên Phụ (huyện Yên Phong).

- Quy hoạch đất, đầu tư kinh phí xây dựng mới Trường THCS Trần Quốc Toàn, thành phố Bắc Ninh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình kiên cố hóa trường lớp học, xóa phòng học cấp 4; đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây mới đảm bảo theo hướng đạt chuẩn.

- Xây dựng bổ sung nhà điều hành của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh thành Trường Cao đẳng đa ngành.

- Thu hút đầu tư xây dựng các trường đại học hoặc phân hiệu của các trường đại học (công lập) lớn tại Bắc Ninh (trong khu vực quy hoạch).

- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hoàn chỉnh để thu thập, trao đổi thông tin về giáo dục đào tạo trên Website của ngành, của trường, cơ sở giáo dục.

1.2. Quy mô phát triển

- *Giáo dục mầm non*: 190 trường, bao gồm 168 trường công lập, 22 trường ngoài công lập.

- *Giáo dục phổ thông*: 165 trường tiểu học; 136 trường THCS; duy trì ổn định 37 trường THPT, bao gồm 23 trường công lập, 13 trường ngoài công lập, 01 Trường Năng khiếu thể dục thể thao, theo lộ trình từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2019 - 2020 tăng từ 75% đến 78% học sinh tốt nghiệp THCS được vào THPT công lập và từ 12% đến 15% vào trường THPT ngoài công lập.

- *Giáo dục thường xuyên, cao đẳng, đại học*: Duy trì ổn định 04 Trung tâm cấp tỉnh (Trung tâm GDTX số 1, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh, Trung tâm GDTX huyện Thuận Thành, Trung tâm KTTH - HN) trực thuộc tỉnh; 05 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện, thu hút từ 8% đến 10% học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp bổ túc THPT; 01 Trường Cao đẳng Sư phạm và các trường đại học.

1.3. Chất lượng giáo dục và đào tạo

Đẩy mạnh việc thực hiện Chương trình “Sửa học đường”, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở cấp học mầm non. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh ở các cấp học, các khu vực, các loại hình trường. Nâng cao chất lượng học sinh giỏi, phần đầu 85% học sinh dự thi học sinh giỏi quốc gia đạt giải, tăng về số lượng, chất lượng. Tập trung nâng cao chất lượng học sinh bổ túc và các lớp liên kết đào tạo cao đẳng, đại học. Nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Sư phạm và các trường đại học theo phân cấp.

1.4. Các điều kiện đảm bảo

- Bố trí, sắp xếp đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu giữa các bộ môn cho các cơ sở trường học thuộc các cấp học mầm non, phổ thông giai đoạn 2017 - 2020 với tổng số giáo viên là 22.616. Phần đầu đến năm 2020, có 100% giáo viên mầm non, phổ thông đạt chuẩn, trong đó có 95% giáo viên mầm non, 96% giáo viên tiểu học, 90% giáo viên THCS, 30% giáo viên THPT có trình độ trên chuẩn. Trong khi chưa có chỉ tiêu tuyển dụng biên chế, trước mắt từ năm học 2017 - 2018, tiến hành hợp đồng bổ sung đủ giáo viên cho các trường còn thiếu ở các cấp học: 1.468 giáo viên mầm non, 585 giáo viên tiểu học, 289 giáo viên THCS.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường lớp học, phần đầu tới năm 2020, có 100% phòng học thông thường ở mầm non, 100% phòng học thông thường ở phổ thông đạt kiên cố, cao tầng. Xây dựng bổ sung đáp ứng nhu cầu phát triển (xây dựng trường mới ở các khu công nghiệp tập trung và tách trường ở các khu đông dân cư), xóa phòng học cấp 4 và nâng cấp các phòng kiên cố bị xuống cấp thuộc các cấp học; 100% cơ sở trường học có phòng thư viện riêng và có đủ các phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, phòng

thực hành, xây dựng đủ các phòng chức năng khác theo quy định của Điều lệ trường học.

- Rà soát, cấp bổ sung quy hoạch đất đai cho từng trường ở các cấp học; thực hiện tốt việc quản lý quy hoạch và cấm mốc quy hoạch những vị trí quan trọng cho các trường học trên địa bàn tỉnh, thời gian hoàn thành trước tháng 6 năm 2018.

- Thực hiện nhiệm vụ xây dựng trường chuẩn quốc gia, phấn đấu đến năm 2020 có 100% trường mầm non, trường phổ thông (công lập) đạt chuẩn quốc gia; 100% các cơ sở trường học thuộc các ngành học, cấp học đạt tiêu chuẩn xanh - sạch - đẹp.

2. Giai đoạn 2021 - 2025

2.1. Quy hoạch mạng lưới trường, lớp và quy mô phát triển

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo tỉnh Bắc Ninh theo mô hình thành phố trực thuộc Trung ương, cụ thể như sau:

- 194 trường mầm non (tăng 04 trường so với năm học 2020 - 2021), trong đó có 168 trường công lập, 26 trường ngoài công lập; 169 trường tiểu học (tăng 04 trường mới tách so với năm học 2020 - 2021); 139 trường THCS (tăng 03 trường so với năm 2020) ở các khu công nghiệp tập trung; duy trì ổn định 37 trường THPT và tăng dần chỉ tiêu tuyển sinh từ 78% đến 80% học sinh tốt nghiệp THCS được vào THPT công lập vào năm học 2025 - 2026; quy hoạch đất chuẩn bị xây dựng mới 02 trường THPT để đáp ứng nhu cầu phát triển giai đoạn 2026 - 2030 ở khu vực huyện Tiên Du (vùng giáp danh với thị xã Từ Sơn và ở huyện Yên phong, nơi có khu công nghiệp tập trung). Duy trì phát triển ổn định 04 Trung tâm cấp tỉnh (Trung tâm GDTX số 1, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh, Trung tâm GDTX Thuận Thành, Trung tâm KTTH - HN); 05 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện; 01 Trường Cao đẳng Sư phạm và một số trường Đại học theo phân cấp.

- Quy hoạch đất đai, đầu tư xây dựng CSVN để tách 04 trường mầm non (công lập), 04 trường tiểu học và thành lập mới 03 trường THCS (công lập) thuộc các khu công nghiệp tập trung và các xã, phường đông dân cư. Thu hút đầu tư xây dựng thêm một số trường đại học hoặc Phân hiệu Đại học công lập lớn tại Bắc Ninh.

- Nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh thành trường Cao đẳng đa ngành để thực hiện nhiệm vụ đào tạo cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật cao, tạo nguồn nhân lực chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.

2.2. Chất lượng giáo dục và đào tạo

Tiếp tục giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở bậc học mầm non. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh ở các cấp học, các khu vực, các loại hình trường. Nâng cao chất lượng học sinh giỏi, phấn đấu 90% học sinh dự thi học sinh giỏi quốc gia đạt giải, tăng về số lượng, chất lượng. Tập trung nâng cao chất lượng học sinh bỏ túc và các lớp liên kết đào tạo cao đẳng, đại học. Nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh và các trường đại học theo phân cấp.

2.3. Các điều kiện đảm bảo

- *Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên:* Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giáo viên giỏi, giáo viên cốt cán có trình độ chuẩn, trên chuẩn. Bố trí sắp xếp đủ về số lượng, đồng bộ giữa các bộ môn cho các cơ sở trường học thuộc các cấp học mầm non, tiểu học, THCS, THPT giai đoạn 2021 - 2025, với tổng số giáo viên là 23.513 giáo viên. Phân đầu đến năm 2025 có 100% giáo viên mầm non, tiểu học, THCS, THPT đạt chuẩn và 98% giáo viên mầm non, 97% giáo viên tiểu học, 95% giáo viên THCS, 35% giáo viên THPT có trình độ trên chuẩn.

- *Cơ sở vật chất:* Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học, phân đầu 100% cơ sở trường học có đủ phòng học thông thường, phòng thư viện; phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm thực hành, cùng các phòng chức năng khác được xây dựng kiên cố. Xây dựng trường chuẩn quốc gia các cấp học, ngành học, phân đầu 100% trường mầm non; 100% trường tiểu học; 100% trường THCS, 100% trường THPT (công lập) đạt chuẩn quốc gia mức độ cao.

3. Định hướng đến năm 2030

3.1. Quy hoạch mạng lưới trường, lớp và quy mô phát triển

- *Giáo dục mầm non, phổ thông*

Duy trì ổn định quy mô phát triển ở cấp học mầm non, tiểu học và THCS (công lập) hiện có; thành lập mới 02 trường THPT tại các khu công nghiệp tập trung. Duy trì ổn định tỷ lệ 80% học sinh tốt nghiệp THCS vào các trường THPT công lập; 10% vào các trường ngoài công lập. Cùng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục cho trẻ em 4, 5 tuổi, triển khai thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ em 3 tuổi và phổ cập giáo dục tiểu học, THCS mức độ 3.

- *Giáo dục thường xuyên, Trung tâm KTTH-HN, Cao đẳng, Đại học*

Duy trì ổn định 03 trung tâm cấp tỉnh (Trung tâm GDTX số 1, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh, Trung tâm GDTX Thuận Thành); 01 Trung tâm KTTH - HN cấp tỉnh, 05 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện.

Huy động từ 5% đến 10% học sinh tốt nghiệp THCS vào các lớp bổ túc THPT, phân đầu đến năm 2030 được kiểm tra công nhận xóa mù chữ mức độ 3.

3.2. Chất lượng giáo dục và đào tạo

Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở bậc học mầm non. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh ở các cấp học, các khu vực, các loại hình trường. Nâng cao chất lượng học sinh giỏi, phân đầu 90% học sinh dự thi học sinh giỏi quốc gia đạt giải, tăng về số lượng, chất lượng. Tập trung nâng cao chất lượng học sinh bổ túc và các lớp liên kết đào tạo cao đẳng, đại học. Nâng cao chất lượng đào tạo của trường Cao đẳng Sư phạm và các trường đại học theo phân cấp.

3.3. Các điều kiện đảm bảo

- *Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên:* Xây dựng được lực lượng cán bộ quản lý, giáo viên, giáo viên giỏi cốt cán có trình độ chuẩn, trên chuẩn. Bố trí sắp xếp đủ về số lượng, đồng bộ giữa các bộ môn cho các cơ sở trường học thuộc các cấp học mầm non, tiểu học, THCS, THPT giai đoạn 2026 - 2030 với tổng số giáo viên là 23.695 giáo viên. Phân đầu đến năm 2030 có 100% giáo viên mầm non,

tiểu học, THCS, THPT đạt chuẩn và 99% giáo viên mầm non, 98% giáo viên tiểu học, 97% giáo viên THCS, 40% giáo viên THPT có trình độ trên chuẩn.

- *Cơ sở vật chất*: Tăng cường đầu tư kinh phí nâng cấp sửa chữa phòng học, duy trì vững chắc 100% phòng học mầm non, phổ thông đạt kiên cố, cao tầng. 100% cơ sở trường học có phòng thư viện riêng; 100% các trường THCS, THPT có đủ các phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các phòng chức năng khác được xây dựng kiên cố. Duy trì vững chắc kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia ở mức độ cao.

IV. Giải pháp thực hiện

4.1. Công tác tuyên truyền

- Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền và nhân dân trong việc chăm lo đầu tư cho sự nghiệp giáo dục phát triển, thực sự coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

- Tích cực tham mưu với các cấp uỷ Đảng, chính quyền giải quyết những vấn đề về mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của sự nghiệp giáo dục đào tạo, đầu tư đảm bảo kinh phí cho việc nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng cơ sở vật chất trường học theo hướng chuẩn hoá, kiên cố hoá, hiện đại hoá.

4.2. Đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Đổi mới chương trình, nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và ngành nghề. Đa dạng hóa nội dung, tài liệu học tập, đáp ứng yêu cầu của các cấp học, các chương trình giáo dục đào tạo và nhu cầu học tập suốt đời của người dân. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, hình thức tổ chức thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục đào tạo, bảo đảm thực chất, trung thực, khách quan.

- Nâng cao hiệu quả của công tác quản lý giáo dục trong hoạt động dạy và học, công tác xây dựng kế hoạch, thi đua, thanh tra, kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục, đánh giá, phân loại đơn vị và cán bộ giáo viên, quản lý tài chính... đảm bảo dân chủ. Hoàn thiện cơ chế quản lý giáo dục theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

4.3. Phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

- Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ giáo viên các cấp học. Thường xuyên rà soát, phân loại, đánh giá, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên. Bố trí sắp xếp đủ và đồng bộ giáo viên cho các môn học theo quy định, chú trọng đến đội ngũ giáo viên dạy tin học, ngoại ngữ, cán bộ thư viện, thí nghiệm thực hành. Tăng cường công tác đào tạo lại và bồi dưỡng thường xuyên bằng nhiều hình thức phù hợp, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo.

- Tuyển dụng đủ giáo viên, đảm bảo chất lượng ở các cấp học; trong thời gian chờ tuyển dụng, các trường thiếu chỉ tiêu biên chế được phép hợp đồng ngắn hạn, nguồn kinh phí chi trả do ngân sách nhà nước tỉnh đầu tư.

- Mời giáo viên quốc tịch nước ngoài tham gia giảng dạy ngoại ngữ tại các trường phổ thông công lập; nguồn kinh phí chi trả từ ngân sách và nguồn thu từ xã hội hóa theo thỏa thuận.

4.4. Tăng cường đầu tư kinh phí xây dựng CSVC trường học

- Rà soát, bổ sung quy hoạch đất đai cho từng trường học, cấp học đảm bảo đạt chuẩn; sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở vật chất trường, lớp theo tiêu chí trường chuẩn quốc gia. Khi tách trường và xây dựng mới trường tiểu học và THCS thì xây dựng trường theo hướng ghép hai cấp học (trường tiểu học và THCS) để tiết kiệm diện tích đất đai, kinh phí, nguồn lực, biên chế...

- Đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học đồng bộ theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa (thiết bị đồ chơi trẻ em, thiết bị thí nghiệm thực hành môn học Lý, Hóa, Sinh... thiết bị Công nghệ tin học, ngoại ngữ, thiết bị phòng học thông minh...).

4.5. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục và đào tạo

- Thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xã hội hóa giáo dục, công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; huy động các nguồn lực từ doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo.

- Đề xuất ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ mua sắm trang thiết bị dạy học đối với các trường ngoài công lập.

4.6. Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục

- Tăng cường hợp tác quốc tế, huy động các nguồn tài trợ, đầu tư nước ngoài để phát triển giáo dục đào tạo, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Đề xuất ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh tham gia học Chương trình Ngoại ngữ có yếu tố nước ngoài (theo mức thu thỏa thuận) tại các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh.

V. Tổ chức thực hiện

5.1. Sở Giáo dục và Đào tạo (cơ quan Thường trực)

Tổ chức thực hiện Quy hoạch; tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố cụ thể hóa nội dung Quy hoạch và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện theo lộ trình; định kỳ hằng năm và giai đoạn đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Quy hoạch báo cáo UBND tỉnh.

5.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo huy động và bố trí nguồn vốn để thực hiện Quy hoạch.

5.3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ngành liên quan phân bổ nguồn vốn, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý sử dụng kinh phí thực hiện Quy hoạch theo các quy định hiện hành của Luật ngân sách.

5.4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ngành liên quan

sửa đổi, bổ sung hoàn thiện việc ban hành các chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường học.

5.5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng và các Sở, ngành liên quan hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố lập quy hoạch, kế hoạch về quản lý và sử dụng đất trong các cơ sở trường học theo quy định của Luật đất đai phù hợp với từng loại hình trường, lớp.

5.6. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ngành liên quan hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ sở trường học quy hoạch, thiết kế xây dựng trường, lớp học theo đúng thiết kế mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Xây dựng ban hành.

5.7. Các Sở, ban, ngành liên quan

Thường xuyên phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện xã hội hoá giáo dục; phối hợp với các cấp chính quyền địa phương giám sát thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ của Quy hoạch.

5.8. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan chức năng của địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch trên địa bàn, đồng thời kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Quy hoạch tại địa phương, báo cáo theo định kỳ.

5.9. Các cơ sở giáo dục

Tổ chức học tập, quán triệt nội dung Quyết định và xây dựng các chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm và từng giai đoạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trên; định kỳ tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả, bài học kinh nghiệm trong thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ GD&ĐT b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- Cơ quan báo, đài TW đóng trên địa bàn;
- BBN, Đài PTTH Bắc Ninh;
- Công TTĐT tỉnh; Trung tâm Công báo tỉnh;
- VP UBND tỉnh: KTTH, XDCB, LĐVP;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phong